

## **Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 33



# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2200208753 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong kỳ hiện hành của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên
Ông Adisak Torsakul	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên độc lập

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng ban
Ông Lý Thái Hưng	Thành viên
Bà Lý Thị Kim Yến	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc

miễn nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2023

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hoàng Việt.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có hai công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 22 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2023



Số tham chiếu: 11604265/66926002-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty"), được lập vào ngày 22 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.387.707.271.850</b>	<b>1.391.759.665.571</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>205.027.668.453</b>	<b>487.938.000.921</b>
111	1. Tiền		30.427.668.453	249.943.421.524
112	2. Các khoản tương đương tiền		174.600.000.000	237.994.579.397
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>11.017.504.095</b>	<b>10.459.845.925</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.017.504.095	10.459.845.925
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>157.228.720.708</b>	<b>146.822.386.800</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	121.103.408.076	108.204.494.126
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	14.467.841.787	32.200.857.080
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	21.657.470.845	6.417.035.594
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>934.116.864.288</b>	<b>701.750.080.358</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	934.116.864.288	701.750.080.358
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>80.316.514.306</b>	<b>44.789.351.567</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	52.713.173.253	19.631.263.187
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	17	27.603.341.053	25.158.088.380
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.186.655.027.907</b>	<b>1.065.916.752.958</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>637.402.959.599</b>	<b>209.278.539.506</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	636.732.493.636	208.597.698.337
222	Nguyên giá		1.182.607.889.213	707.635.869.609
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(545.875.395.577)	(499.038.171.272)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	670.465.963	680.841.169
228	Nguyên giá		1.770.215.710	1.770.215.710
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.099.749.747)	(1.089.374.541)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>44.882.818.879</b>	<b>392.639.247.012</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	44.882.818.879	392.639.247.012
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>380.898.720.000</b>	<b>380.898.720.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	13	380.898.720.000	380.898.720.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>123.470.529.429</b>	<b>83.100.246.440</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	121.717.477.878	77.759.962.287
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	1.753.051.551	5.340.284.153
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.574.362.299.757</b>	<b>2.457.676.418.529</b>



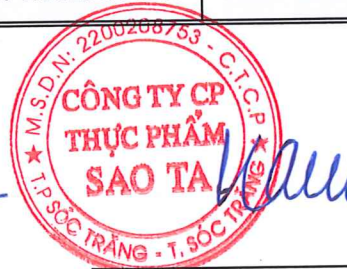
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>721.942.349.364</b>	<b>549.716.073.538</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>713.380.395.614</b>	<b>541.161.125.788</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	79.140.340.884	72.153.759.363
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	4.867.939.000	16.444.726.250
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.548.907.102	5.938.229.511
314	4. Phải trả người lao động		34.860.346.327	134.183.182.597
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	17.046.735.832	46.904.618.285
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	21.650.275.604	7.484.385.717
320	7. Vay ngắn hạn	20	500.417.653.750	234.392.400.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	51.848.197.115	23.659.824.065
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>8.561.953.750</b>	<b>8.554.947.750</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	585.000.000	585.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	3.10	7.976.953.750	7.969.947.750
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.852.419.950.393</b>	<b>1.907.960.344.991</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>1.852.419.950.393</b>	<b>1.907.960.344.991</b>
411	1. Vốn cổ phần		653.888.890.000	653.888.890.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		653.888.890.000	653.888.890.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		593.681.126.002	593.681.126.002
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		604.849.934.391	660.390.328.989
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		490.648.583.936	344.340.859.964
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		114.201.350.455	316.049.469.025
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.574.362.299.757</b>	<b>2.457.676.418.529</b>

Lý Thị Thu Hồng  
Người lập

Tô Minh Chăng  
Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc


Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.517.833.230.022	2.151.869.860.976
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(1.611.783.779)	(5.310.972.000)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.516.221.446.243	2.146.558.888.976
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(1.387.410.207.596)	(1.908.559.689.128)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		128.811.238.647	237.999.199.848
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	36.009.620.759	43.541.746.929
22	7. Chi phí tài chính	25	(12.413.285.266)	(9.143.963.531)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.633.712.926)	(2.412.478.138)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(10.558.110.245)	(82.155.721.814)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(24.077.476.507)	(26.394.288.868)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		117.771.987.388	163.846.972.564
31	11. Thu nhập khác		28.205.732	2.121.584.334
32	12. Chi phí khác		(7.246.427)	(81.702.316)
40	13. Lợi nhuận khác		20.959.305	2.039.882.018
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		117.792.946.693	165.886.854.582
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(4.363.636)	(424.316.867)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.3	(3.587.232.602)	(1.974.287.905)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		114.201.350.455	163.488.249.810

  
Lý Thị Thu Hồng  
Người lập

  
Tô Minh Chặng  
Kế toán trưởng

  
Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc



Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>117.792.946.693</b>	<b>165.886.854.582</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ")	10, 11	46.847.599.511	28.690.796.252
03	Các khoản dự phòng		7.006.000	101.274.250
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.910.089.420	4.462.614.542
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(19.464.042.894)	(26.102.854.820)
06	Chi phí lãi vay	25	4.633.712.926	2.412.478.138
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>153.727.311.656</b>	<b>175.451.162.944</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(26.227.839.346)	38.034.006.263
10	Tăng hàng tồn kho		(232.366.783.930)	(44.956.081.284)
11	Giảm các khoản phải trả		(112.641.334.514)	(88.310.681.661)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(81.839.425.657)	1.808.889.335
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.540.053.527)	(2.359.558.641)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(3.259.423.168)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	21	(10.775.594.003)	(6.615.478.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(317.923.142.489)</b>	<b>73.052.258.956</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ		(114.440.157.722)	(172.595.062.801)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	600.000.000
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(2.327.649.095)	(21.752.688.907)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		1.769.990.925	36.168.343.151
27	Tiền thu lãi ngân hàng, cổ tức		19.714.313.328	26.538.543.271
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(95.283.502.564)</b>	<b>(131.040.865.286)</b>



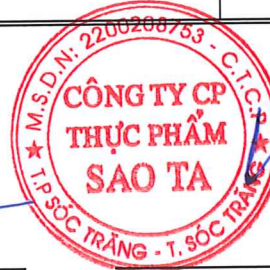
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Chi phí phát hành cổ phiếu	22.1	-	(4.300.000)
33	Tiền thu từ đi vay	20	1.564.144.945.227	987.944.738.083
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(1.303.104.281.000)	(694.279.393.463)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(130.777.778.000)	(130.777.778.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>130.262.886.227</b>	<b>162.883.266.620</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(282.943.758.826)</b>	<b>104.894.660.290</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>487.938.000.921</b>	<b>729.329.600.684</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		33.426.358	784.625.793
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>205.027.668.453</b>	<b>835.008.886.767</b>

  
Lý Thị Thu Hồng  
Người lập

  
Tô Minh Chặng  
Kế toán trưởng



  
Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) Số 2200208753 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 3.805 (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.724).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có hai công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 22 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Hàng tồn kho được Công ty ghi nhận với phương pháp như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - kê khai thường xuyên, chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu trực tiếp, bao gồm chi phí con giống và chi phí thức ăn.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3.5 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 15 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Phần mềm vi tính	3 - 6 năm
Tài sản khác	4 - 10 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ khi phát sinh.

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Công cụ dụng cụ*

Công cụ dụng cụ với giá trị lớn xuất dùng trong nhiều năm được hạch toán vào khoản mục chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13 tháng 6 năm 2007, ngày 4 tháng 10 năm 2012, ngày 4 tháng 2 năm 2020 và ngày 4 tháng 3 năm 2020 trong thời hạn từ 48 – 50 năm; và
- Giá trị quyền sử dụng đất khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn sau năm 2003.

Theo Thông tư 45, các khoản tiền thuê đất nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng còn lại.

**3.8 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

#### 3.11 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.12 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### ► *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu*

Doanh thu cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

**3.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt tại quỹ	1.197.927.711	1.164.913.487
Tiền gửi ngân hàng	29.229.740.742	248.778.508.037
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>174.600.000.000</u>	<u>237.994.579.397</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>205.027.668.453</u></b>	<b><u>487.938.000.921</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4,75% đến 5%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Số cuối kỳ thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ sáu (6) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,2% đến 8,2%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Amanda Seafood Private Limited	38.599.672.140	12.130.621.920
Kyokuyo Co.,Ltd	26.494.363.482	38.168.101.142
Mazzetta Company, LLC.,	18.091.248.000	6.739.117.200
Các khách hàng khác	<u>37.918.124.454</u>	<u>51.166.653.864</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>121.103.408.076</u></b>	<b><u>108.204.494.126</u></b>

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Công ty đã thể chấp toàn bộ các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho người bán	14.467.841.787	32.200.187.987
- Huỳnh Thanh Thu	4.800.000.000	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tâm My	2.219.427.710	2.503.035.454
- Các bên khác	7.448.414.077	29.697.152.533
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	669.093
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.467.841.787</b>	<b>32.200.857.080</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	16.045.548.295	-
Ký quỹ dự án nhà máy Thủy sản Sao Ta	2.100.000.000	4.200.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	1.295.585.400	230.008.795
Tạm trích thu nhập bán vỏ đầu tôm	1.059.752.800	648.914.475
Trích trước lãi tiền gửi	697.688.693	947.959.127
Chi hộ	193.767.112	281.181.028
Phải thu khác	265.128.545	108.972.169
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.657.470.845</b>	<b>6.417.035.594</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ bên thứ ba</i>	21.651.194.605	6.410.881.606
<i>Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	6.276.240	6.153.988

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Thành phẩm	690.148.184.175	513.157.956.045
Hàng gửi đi bán	122.736.208.733	97.141.138.940
Nguyên vật liệu	64.301.918.694	40.147.754.477
Công cụ, dụng cụ và bao bì	50.917.176.568	38.991.052.628
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.936.076.118	-
Hàng mua đang đi trên đường	1.077.300.000	12.312.178.268
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>934.116.864.288</b>	<b>701.750.080.358</b>

Như được trình bày trong *Thuyết minh số 20*, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty.



## Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	218.067.298.070	411.449.374.317	58.957.458.236	12.095.258.391	7.066.480.595	707.635.869.609
Mua mới	-	40.830.681.004	543.548.000	272.717.272	943.454.545	42.590.400.821
Chuyển từ xây dựng cơ bản đờ dang hoàn thành	298.107.628.870	128.934.615.871	1.120.602.000	1.351.247.860	2.972.524.182	432.486.618.783
Giảm khác	-	-	(105.000.000)	-	-	(105.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	516.174.926.940	581.214.671.192	60.516.608.236	13.719.223.523	10.982.459.322	1.182.607.889.213
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	62.399.981.245	240.165.409.747	11.389.655.511	6.981.060.118	6.301.673.045	327.237.779.666
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	119.758.634.686	328.825.543.527	33.076.110.309	10.648.856.614	6.729.026.136	499.038.171.272
Khấu hao trong kỳ	19.454.005.050	23.199.246.083	3.375.634.340	616.795.609	191.543.223	46.837.224.305
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	139.212.639.736	352.024.789.610	36.451.744.649	11.265.652.223	6.920.569.359	545.875.395.577
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	98.308.663.384	82.623.830.790	25.881.347.927	1.446.401.777	337.454.459	208.597.698.337
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	376.962.287.204	229.189.881.582	24.064.863.587	2.453.571.300	4.061.889.963	636.732.493.636
<b>Trong đó:</b>						
Giá trị tài sản thế chấp (Thuyết minh số 20)	4.415.431.260	16.698.406.045	1.185.750.000	-	120.439.374	22.420.026.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.085.118.900	485.595.610	199.501.200	1.770.215.710
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	485.595.610	199.501.200	685.096.810
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	404.277.731	485.595.610	199.501.200	1.089.374.541
Hao mòn trong kỳ	10.375.206	-	-	10.375.206
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	414.652.937	485.595.610	199.501.200	1.099.749.747
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	680.841.169	-	-	680.841.169
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	670.465.963	-	-	670.465.963

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dự án Nhà máy Thủy sản Sao Ta	25.370.872.334	377.349.355.260
Chi phí dự án nuôi tôm	15.443.181.818	13.644.957.245
Máy móc đang chờ lắp đặt	4.068.764.727	1.644.934.507
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.882.818.879</b>	<b>392.639.247.012</b>

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

VND

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vĩnh Thuận ("Vĩnh Thuận")	200.498.720.000	-	200.498.720.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Khang An")	180.400.000.000	-	180.400.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>380.898.720.000</b>	<b>-</b>	<b>380.898.720.000</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm giữ 51,54% (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 51,54%) quyền sở hữu và quyền biểu quyết trong Khang An.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm giữ 100% (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 100%) quyền sở hữu và quyền biểu quyết trong Vĩnh Thuận.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>52.713.173.253</b>	<b>19.631.263.187</b>
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	52.271.974.752	19.631.263.187
Bảo hiểm xe hơi	441.198.501	-
<b>Dài hạn</b>	<b>121.717.477.878</b>	<b>77.759.962.287</b>
Quyền sử dụng đất	69.974.923.764	66.508.618.135
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	47.255.093.933	8.754.416.799
Chi phí bảo trì tài sản cố định	2.688.504.946	1.088.873.461
Chi phí cải tạo ao	1.798.955.235	1.408.053.892
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>174.430.651.131</b>	<b>97.391.225.474</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ông Quách Hoàng Phong	20.000.000.000	20.000.000.000
Kyokuyo Company Limited	9.273.850.068	16.046.188.976
Công ty TNHH Bao bì Xuất khẩu và Thương mại Vạn Thành	7.189.941.583	4.806.564.981
Các bên khác	42.676.549.233	31.301.005.406
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>79.140.340.884</b>	<b>72.153.759.363</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chicken of The Sea Frozen Foods	4.866.939.000	-
Các bên khác	1.000.000	16.444.726.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.867.939.000</b>	<b>16.444.726.250</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số tăng trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	25.158.088.380	46.343.725.647	(43.898.472.974)	27.603.341.053
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	2.660.738.343	7.153.567.704	(6.286.697.381)	3.527.608.666
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.259.423.168	4.363.636	(3.259.423.168)	4.363.636
Thuế tài nguyên môi trường	18.068.000	100.390.000	(101.523.200)	16.934.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.938.229.511</b>	<b>7.258.321.340</b>	<b>(9.647.643.749)</b>	<b>3.548.907.102</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí thuế chống bán phá giá	9.889.243.025	41.809.173.516
Chi phí vận chuyển và cước tàu	1.786.263.040	846.094.400
Chi phí hoa hồng	368.315.509	1.766.289.375
Khác	5.002.914.258	2.483.060.994
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.046.735.832</b>	<b>46.904.618.285</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	500.000.000	-
<i>Phải trả bên khác</i>	16.546.735.832	46.904.618.285

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>21.650.275.604</b>	<b>7.484.385.717</b>
Phải trả tiền hàng xuất khẩu ủy thác	16.045.548.295	277.865.280
Kinh phí công đoàn	5.026.631.242	5.026.631.242
Thưởng hiệu quả nuôi tôm	-	1.980.253.880
Khác	578.096.067	199.635.315
<b>Dài hạn</b>	<b>585.000.000</b>	<b>585.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	585.000.000	585.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.235.275.604</b>	<b>8.069.385.717</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	16.054.036.390	286.320.518
<i>Phải trả bên khác</i>	6.181.239.214	7.783.065.199

## Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY NGẮN HẠN

	Số phát sinh trong kỳ			Đánh giá lại
	Tăng	Giảm		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND
Vay ngân hàng (*)	234.392.400.000	1.564.144.945.227	(1.303.104.281.000)	4.984.589.523
				500.417.653.750

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng</b>					
Vay USD	308.750.000.000	13.000.000	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023	4 - 4.2	Quyền phát sinh từ hợp đồng thương mại (Thuyết minh số 6) Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9) Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị (Thuyết minh số 10)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng</b>					
Vay USD	166.178.750.000	6.997.000	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2023 đến ngày 27 tháng 9 năm 2023	3.5	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9) Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (Thuyết minh số 10) Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại trại nuôi Tân Nam (Thuyết minh số 10)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế - Chi nhánh Cần Thơ</b>					
Vay USD	25.488.903.750	1.073.217	Từ ngày 18 tháng 7 năm 2023 đến ngày 1 tháng 9 năm 2023	3.8	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>500.417.653.750</b>	<b>21.070.217</b>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	23.659.824.065	2.155.791.729
Trích lập quỹ	38.963.967.053	32.458.446.700
Sử dụng quỹ	<u>(10.775.594.003)</u>	<u>(6.615.478.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>51.848.197.115</u>	<u>27.998.760.429</u>

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND			
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	653.888.890.000	593.685.426.002	507.577.084.664	1.755.151.400.666
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	163.488.249.810	163.488.249.810
Cổ tức công bố	-	-	(130.777.778.000)	(130.777.778.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(32.458.446.700)	(32.458.446.700)
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(4.300.000)	-	(4.300.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>653.888.890.000</u>	<u>593.681.126.002</u>	<u>507.829.109.774</u>	<u>1.755.399.125.776</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	653.888.890.000	593.681.126.002	660.390.328.989	1.907.960.344.991
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	114.201.350.455	114.201.350.455
Cổ tức công bố (*)	-	-	(130.777.778.000)	(130.777.778.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(38.963.967.053)	(38.963.967.053)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>653.888.890.000</u>	<u>593.681.126.002</u>	<u>604.849.934.391</u>	<u>1.852.419.950.393</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(\*) Vào ngày 26 tháng 5 năm 2023, Công ty đã chi cổ tức năm 2022 bằng tiền tại mức 20% mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 4 năm 2023, phù hợp với Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông (“NQĐHĐCĐ”) Thường niên 2023 ngày 7 tháng 4 năm 2023.

**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu kỳ	653.888.890.000	653.888.890.000
Tăng vốn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>653.888.890.000</u>	<u>653.888.890.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	130.777.778.000	130.777.778.000
Cổ tức đã trả	130.777.778.000	130.777.778.000

**22.3 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu được phép phát hành	65.388.889	65.388.889
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.388.889	65.388.889
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.388.889	65.388.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	VND	
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.517.833.230.022</b>	<b>2.151.869.860.976</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng thủy sản	1.517.812.230.022	2.151.810.860.976
Cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	21.000.000	59.000.000
Trừ:		
Hàng bán bị trả lại	(1.611.783.779)	(5.310.972.000)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>1.516.221.446.243</b>	<b>2.146.558.888.976</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng thủy sản	1.516.200.446.243	2.146.499.888.976
Cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	21.000.000	59.000.000
Trong đó:		
Bên khác	1.511.638.687.493	2.124.441.722.226
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	4.582.758.750	22.117.166.750

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	VND	
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	16.545.577.865	17.455.565.716
Cổ tức được chia	12.628.000.000	15.153.600.000
Lãi tiền gửi	6.836.042.894	9.914.172.213
Lãi phạt chậm trả và tạm ứng	-	1.018.409.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.009.620.759</b>	<b>43.541.746.929</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	VND	
Giá vốn hàng thủy sản	1.387.389.207.596	1.908.500.689.128
Giá vốn dịch vụ ủy thác xuất khẩu	21.000.000	59.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.387.410.207.596</b>	<b>1.908.559.689.128</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.779.572.340	6.731.485.393
Chi phí lãi vay	4.633.712.926	2.412.478.138
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.413.285.266</u></b>	<b><u>9.143.963.531</u></b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí vận chuyển	23.910.129.571	80.656.855.533
Chi phí thuế chống bán phá giá (*)	(31.919.930.491)	(17.252.192.350)
<i>Trong đó:</i>		
- Hoàn nhập chi phí đã trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 17	-	(36.142.873.464)
- (Hoàn nhập chi phí đã trích trước) chi phí trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 18	(41.809.173.516)	18.890.681.114
- Chi phí trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 19	9.889.243.025	-
Chi phí hoa hồng	3.301.870.076	3.401.558.765
Chi phí nhân viên	1.371.492.680	1.174.012.669
Khác	13.894.548.409	14.175.487.197
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.558.110.245</u></b>	<b><u>82.155.721.814</u></b>

(\*) Đây là khoản chi phí thuế chống bán phá giá áp dụng cho các công ty xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ theo yêu cầu của luật thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ, được tính toán và thu bởi Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ trước khi hàng hóa được nhập khẩu vào Mỹ.

Vào ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đã hoàn tất thỏa thuận với bên Nguyên đơn để chấm dứt việc kiện chống Công ty bán phá giá cho đợt rà soát hành chính lần thứ 18 và chờ thông báo cuối cùng của Bộ Thương mại Mỹ. Theo đó, Công ty phải trả chi phí thỏa thuận cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 đến ngày 31 tháng 1 năm 2023.

Thuế suất chống bán phá giá sau cùng áp dụng cho Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được xác định. Do vậy, số thuế phải trả và chi phí thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Bộ Thương mại Mỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nhân viên	13.858.057.030	17.562.236.124
Thuế và phí	2.638.470.909	2.691.675.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.247.971.657	1.840.641.144
Chi phí khấu hao và hao mòn	555.556.754	547.537.126
Khác	4.777.420.157	3.752.199.376
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.077.476.507</u></b>	<b><u>26.394.288.868</u></b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nguyên vật liệu	1.380.121.624.135	1.808.611.463.209
Chi phí nhân viên	162.335.424.205	180.532.202.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.023.909.359	105.715.646.565
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	46.847.599.511	28.690.796.252
Khác	16.767.852.701	46.358.432.260
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.659.096.409.911</u></b>	<b><u>2.169.908.540.722</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, hướng dẫn về thuế TNDN và Công văn số 1327/CT-TTr từ Cục thuế Tỉnh Sóc Trăng ngày 1 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

- ▶ Đối với hoạt động hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn, Công ty được miễn thuế TNDN trong suốt thời gian hoạt động; và
- ▶ Đối với hoạt động hàng thủy sản ở vùng khó khăn, Công ty được hưởng thuế suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.363.636	424.316.867
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>3.587.232.602</u>	<u>1.974.287.905</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.591.596.238</u></b>	<b><u>2.398.604.772</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>117.792.946.693</u></b>	<b><u>165.886.854.582</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	23.558.589.338	33.177.370.917
Chi phí không được trừ	171.775	16.340.463
Thu nhập từ cổ tức được chia	(2.525.600.000)	(3.030.720.000)
Chênh lệch giữa thuế TNDN theo thuế suất áp dụng và thuế suất ưu đãi	(3.587.232.605)	(1.974.287.907)
Thuế TNDN được miễn	<u>(13.854.332.270)</u>	<u>(25.790.098.701)</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>3.591.596.238</u></b>	<b><u>2.398.604.772</u></b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**29.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
	VND			
Trích trước chi phí thuế chống bán phá giá	988.924.303	4.180.917.352	(3.191.993.049)	(1.725.219.235)
Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả	797.695.375	796.994.775	700.600	10.127.425
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(33.568.127)	362.372.026	(395.940.153)	(259.196.095)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b><u>1.753.051.551</u></b>	<b><u>5.340.284.153</u></b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b><u>(3.587.232.602)</u></b>	<b><u>(1.974.287.905)</u></b>

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan với Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Khang An")	Công ty con
Công ty TNHH Vĩnh Thuận ("Vĩnh Thuận")	Công ty con
Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên độc lập của HĐQT
Ông Adisak Torsakul	Thành viên độc lập của HĐQT
Bà Triệu Mai Lan	Thư ký HĐQT
Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS
Ông Lý Thái Hưng	Thành viên BKS
Bà Lý Thị Kim Yến	Thành viên BKS
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	172.843.534.868	171.371.044.035
		Chia cổ tức	32.563.666.000	32.563.666.000
Khang An	Công ty con	Thu hộ ủy thác	21.624.788.594	115.882.422.084
		Chia cổ tức	12.628.000.000	15.153.600.000
		Mua hàng hóa	3.853.368.000	-
		Bán hàng hóa	2.719.329.000	20.415.563.000
		Chi hộ ủy thác	1.143.523.515	16.898.947.133
		Mua dịch vụ	500.000.000	-
		Chi hộ	36.538.750	36.623.968
Cung cấp dịch vụ xuất khẩu ủy thác	21.000.000	59.000.000		
Thu nhập tiền lãi	-	1.018.409.000		
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	49.369.356.000	49.369.356.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	16.178.000.000	16.178.000.000
		Bán hàng	1.842.429.750	1.642.603.750
Vĩnh Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ	7.320.279.347	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

		VND		
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</b>				
Công ty Cổ Phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	Cổ đông lớn	Mua hàng	-	669.093
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Khang An	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	6.276.240	6.153.988
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</b>				
Khang An	Công ty con	Mua dịch vụ	500.000.000	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)</b>				
Khang An	Công ty con	Chi hộ	16.045.548.295	277.865.280
		Mua dịch vụ	8.488.095	8.455.238
			<b>16.054.036.390</b>	<b>286.320.518</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thủ lao của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch	2.028.836.000	1.272.295.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch	572.000.000	722.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.837.668.000	1.260.880.000
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên HĐQT	1.116.072.000	806.465.000
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên độc lập của HĐQT	354.000.000	404.000.000
Ông Adisak Torsakul	Thành viên độc lập của HĐQT	304.000.000	27.000.000
Bà Triệu Mai Lan	Thư ký HĐQT	416.393.000	356.238.000
Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS	625.479.000	573.576.000
Ông Lý Thái Hưng	Thành viên BKS	692.564.000	272.935.000
Ông Võ Văn Sĩ	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2022 )	-	171.000.000
Bà Lý Thị Kim Yến	Thành viên BKS	162.000.000	21.000.000
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	790.348.000	652.280.000
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	823.552.000	630.645.000
Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc	693.144.000	562.455.000
Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc	519.517.000	463.080.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>10.935.573.000</b>	<b>8.195.849.000</b>

**31. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết cho thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đến 1 năm	1.659.557.112	1.705.414.872
Trên 1 - 5 năm	6.821.659.488	6.821.659.488
Trên 5 năm	84.008.787.973	82.404.441.328
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.490.004.573</b>	<b>90.931.515.688</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

**Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn**

Công ty có nghĩa vụ cam kết trong tương lai được thể hiện như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dự án nuôi tôm	5.684.230.944	-
Dự án Nhà máy Chế biến Thủy Sản	3.445.771.050	32.311.276.403
Máy móc	220.800.000	1.400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.350.801.994</b>	<b>33.711.276.403</b>

**32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngoại tệ các loại:		
Yên Nhật (JPY)	840.812	10.509.962
Đô la Mỹ (USD)	832.498	96.105
Euro (EUR)	150	155
Nợ khó đòi đã xử lý (VND):		
Các khoản phải thu khác	-	16.120.604.408

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã đứng ra bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An tại các ngân hàng Thương mại sau:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng theo văn bản bảo lãnh trị giá 150.000.000.000 VND.
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng theo văn bản bảo lãnh số 043/VB.2023 và 044/VB.2023 trị giá 400.000.000.000 VND.

**33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.


Lý Thị Thu Hồng  
Người lập

Tô Minh Chàng  
Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2023